

Tập 261

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm hai mươi ba:

(Kinh) Các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới.

(經)各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。

(Kinh: Mỗi vị đều ở nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới).

Trong đoạn này, đức Phật hiện tướng lưỡi rộng dài để chứng minh cho chúng ta.

(Sớ) Kỳ quốc giả, bốn sở trụ quốc, các u kỳ quốc giả, kiến Phật Phật giai nhiên dã.

(疏)其國者，本所住國，各於其國者，見佛佛皆然也。

(Sớ: “Nước mình”: Cõi nước mà chính vị ấy đang trụ. Trong mỗi cõi nước, thấy mỗi vị Phật đều là như thế).

Từ đây trở đi, đối với mỗi một phương thuộc sáu phương đều có một đoạn kinh văn như vậy. Ở đây, do đã trình bày rõ ràng, những phần sau có thể tinh lược, [chẳng chú giải căn kẽ khi thấy những phần kinh văn tương tự]. Điều quan trọng nhất trong phần kinh văn này là bảo chúng ta: Hết thấy chư Phật Như Lai, chẳng có một vị Phật nào không tán thán Tịnh Độ, chẳng có một vị Phật nào không khen ngợi A Di Đà Phật, đều là khuyên lơn, khích lệ trọn khắp hết thấy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Do vậy có thể thấy: Tây Phương Tịnh Độ thật sự thù thắng khôn sánh. Từ những phần trước, chúng ta đọc mãi tới đây, bèn có thể thấy pháp môn này xác thực là để tiếp dẫn chúng sanh căn cơ đã chín muồi. Gọi là ***“chúng sanh căn cơ đã chín muồi”*** nghĩa là cơ duyên thành Phật của họ đã chín muồi trong một đời này. Nói cách khác, đối với kẻ cơ duyên thành Phật chưa chín muồi trong một đời này, có nói với họ pháp môn này, họ khó thể tiếp nhận. Nếu căn cơ đã chín muồi, vừa nghe pháp môn này, họ bèn sanh tâm hoan hỷ, bèn bằng lòng niệm Phật. Quan sát từ hình tướng, chúng ta liền biết người ấy thiện căn đã chín muồi hay chưa. Nói thật ra, [đối với người ấy] pháp môn này không chỉ là đã chín muồi, mà là đã chín nẫu rồi! Trong đời này, người ấy sẽ làm Phật, chứ Bồ

Tất hoặc A La Hán đều chẳng muốn làm! Đời này, người ấy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật. Pháp môn này rất thù thắng, rất đặc biệt, hết thấy chư Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài để chứng minh. Hết thấy chư Phật đều ở trong khu vực giáo hóa của chính mình, tức là ngự ngay trong cõi nước mà chính mình đang giáo hóa, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong thế giới Sa Bà, tình hình [hiện tướng lưỡi để chứng minh trong mỗi cõi Phật] đều giống hết như nhau!

(Sớ) *Tả hữu vi quảng, tiền hậu vi trường.*

(疏) 左右為廣，前後為長。

(Sớ: Trái, phải là rộng, trước, sau là dài).

Giải thích tướng lưỡi rộng dài. Tướng lưỡi của đức Phật chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) *Tam thiên đại thiên, tường như Câu Xá trung thuyết.*

(疏) 三千大千，詳如俱舍中說。

(Sớ: Tam thiên đại thiên thế giới là như trong Câu Xá Luận đã nói tường tận).

Câu Xá Luận đã nói về tam thiên đại thiên thế giới rất tỉ mỉ.

(Sớ) *Phủ đại thiên giả, cực ngôn thiệt tướng chi quảng trường dã.*

(疏) 覆大千者，極言舌相之廣長也。

(Sớ: “Che phủ đại thiên”: Nói tột bậc tướng lưỡi rộng dài).

Tướng lưỡi của Phật có thể che khắp tam thiên đại thiên thế giới; đây là nói về tướng lưỡi rộng dài.

(Sớ) *Dĩ đa kiếp khẩu nghiệp thanh tịnh cố, nhược tường kỳ diêu, như Hoa Nghiêm trung thuyết.*

(疏) 以多劫口業清淨故，若詳其繇，如華嚴中說。

(Sớ: Do vì nhiều kiếp khẩu nghiệp thanh tịnh. Nếu muốn hiểu tường tận nguyên do thì như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói).

Vì sao đức Phật có tướng lưỡi rộng dài? Kinh Hoa Nghiêm có nói đạo lý này.

(Sớ) Ngôn thử dĩ minh Phật ngữ vi tất khả tín, linh đoạn nghi dã.

(疏)言此以明佛語為必可信，令斷疑也。

(Sớ: Nói điều này nhằm chỉ rõ lời Phật ắt đáng tin, hòng đoạn nghi).

Mục đích của kinh văn ở ngay trong một câu kinh này: Nhằm làm cho chúng ta đoạn nghi sanh tín.

(Sao) Câu Xá Luận tụng vân: “Tứ đại châu, nhật, nguyệt, Tu Di Lô, Dục Thiên, Phạm Thế các nhất thiên, danh vi tiểu thiên giới. Thử tiểu thiên thiên bội, thuyết danh vi trung thiên, thử thiên bội đại thiên, giai đồng nhất thành hoại”.

(鈔)俱舍論頌云：四大洲日月，須彌盧欲天，梵世各一千，名為小千界。此小千千倍，說名為中千，此千倍大千，皆同一成壞。

(Sao: Câu Xá Luận có bài kệ tụng như sau: “Bốn đại châu, nhật, nguyệt, núi Tu Di, Dục Thiên, Phạm Thiên gồm một ngàn, là tiểu thiên thế giới. Gấp ngàn lần tiểu thiên, là trung thiên thế giới. Hợp một ngàn trung thiên, thành đại thiên thế giới, cùng nhau thành hoặc hoại”).

Tu Di Lô (Sumēru) là núi Tu Di, Dục Thiên là Dục Giới Thiên (Kāmadhātu), Phạm Thế Thiên là Sơ Thiên Thiên. Một mặt trời, một mặt trăng nhiều quanh núi Tu Di chiếu soi Tứ Thiên Hạ¹. Tứ Vương Thiên (Cāturmahārājikakāyika) ở lưng chừng núi Tu Di, cõi trời Đao Lợi (Trāyastriṃśa) ở trên đỉnh núi. Phía trên tầng trời ấy có Dạ Ma Thiên (Yāma), Đâu Suất Thiên (Tuṣita), Hóa Lạc Thiên (Nirmāṇarati), Tha Hóa Tự Tại Thiên (Parinirmita-vaśavartin), Phạm Thế Thiên (Brahmā). Đó gọi là một thế giới (Lokadhātu). Một ngàn thế giới như vậy, [tức là bao gồm] một ngàn mặt trời, mặt trăng, một ngàn núi Tu Di, một ngàn Tứ Thiên Hạ, một ngàn Tứ Vương Thiên, một ngàn Đao Lợi Thiên, một ngàn Dạ Ma Thiên, một ngàn Đâu Suất Thiên, một ngàn Hóa Lạc Thiên, một ngàn Tha Hóa Tự Tại Thiên, một ngàn Phạm Thế Thiên, đều cùng bị che phủ bởi Đệ Nhị Thiên Thiên (Ābhāsvara), được gọi là một tiểu thiên thế giới (Sāhasra-chulanika Lokadhātu). “Thử tiểu thiên thiên bội, thuyết danh vi trung thiên, thử thiên bội đại thiên, giai đồng nhất thành hoại” (Một ngàn tiểu thiên thế giới, gọi là một trung thiên thế giới (Dvisāhasra-Madhyama-

¹ Tứ Thiên Hạ là danh xưng khác để gọi Tứ Đại Bộ Châu.

Lokadhātu). Một ngàn trung thiên thể giới hợp thành một đại thiên thể giới, đều cùng trải qua chu kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không. Vì sao tập đoàn ấy được gọi là một đại thiên thể giới (Thrisāhasra-Mahāsāhasra-Lokadhātu)? Có chu kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không như nhau. Khi thành bèn đồng thời thành; khi hoại bèn đồng thời hoại.

(Sao) Kim thích vị tứ đại bộ châu, nhị luân nhật nguyệt, nhất Tu Di sơn, tùng hạ địa ngục, chí Lục Dục Thiên, tùng Dục Thiên chí Phạm Thiên, tề thử Sắc Thiên, danh nhất thế giới.

(鈔)今釋謂四大部洲，二輪日月，一須彌山，從下地獄，至六欲天，從欲天至梵天，齊此色天，名一世界。

(Sao: Nay giải thích: Bốn đại bộ châu, hai vầng mặt trời, mặt trăng, một núi Tu Di, từ dưới địa ngục cho đến Lục Dục Thiên², từ Dục Thiên cho tới Phạm Thiên, ngang với Sắc Thiên, thì gọi là một thế giới).

Đây là một đơn vị thế giới.

(Sao) Nhất nhất sổ chi, tích nhị chí thiên, danh viết tiểu thiên.

(鈔)一一數之，積而至千，名曰小千。

(Sao: Cứ đếm từng thế giới một, tích tập đến số lượng một ngàn, bèn gọi là một tiểu thiên thể giới).

Tích lũy một ngàn đơn vị thế giới, gọi là một tiểu thiên thể giới.

(Sao) Hựu dĩ tiểu thiên vi nhất, nhất nhất sổ chi, tích nhị chí thiên, danh viết trung thiên. Hựu dĩ trung thiên vi nhất, nhất nhất sổ chi, tích nhị chí thiên, danh viết đại thiên. Dĩ tam thứ ngôn thiên, viết “tam thiên đại thiên”, kỳ thật nhất đại thiên dã. Nhất đại thiên thế giới, tức kinh trung nhất Phật độ dã.

(鈔)又以小千為一，一一數之，積而至千，名曰中千。又以中千為一，一一數之，積而至千，名曰大千。以三次言千，曰三千大千，其實一大千也。一大千世界，即經中一佛土也。

(Sao: Lại lấy tiểu thiên làm đơn vị, lần lượt đếm từng cõi cho đến hợp thành một ngàn [tiểu thiên] thì gọi là một trung thiên. Lại lấy trung

² Lục Dục Thiên chính là Tha Hóa Tự Tại Thiên, vì đây là tầng trời thứ sáu trong Dục Giới Thiên, nên gọi là Lục Dục Thiên.

thiên thế giới làm đơn vị, lần lượt đếm mỗi cõi cho đến hợp thành một ngàn [trung thiên] thì gọi là một đại thiên. Do có ba lượt nói đến con số ngàn nên gọi là “tam thiên đại thiên”; thật ra là một đại thiên. Một đại thiên thế giới chính là một cõi Phật được nói trong kinh).

Lấy tiểu thiên thế giới làm một đơn vị, gộp một ngàn tiểu thiên thế giới lại, bèn gọi là một trung thiên thế giới. Lại lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, gộp một ngàn trung thiên thế giới lại, gọi là một đại thiên thế giới. Thật ra, “*tam thiên đại thiên*” là một đại thiên thế giới, chẳng phải là ba ngàn đại thiên thế giới. Nó do tiểu thiên, trung thiên, và đại thiên kết hợp thành như vậy, nên gọi là “*tam thiên đại thiên thế giới*”, trên thực tế là một đại thiên thế giới. Đây là khu vực giáo hóa (Vishaya-kshetra) của một vị Phật. Trí huệ, thần thông, đức năng, và phước báo của mỗi vị Phật đều giống nhau, nhưng quốc độ để Phật hóa độ chúng sanh sẽ to nhỏ bất đồng, do nguyên nhân nào? Mỗi đức Phật trong lúc tu nhân đã phát nguyện khác nhau, cho nên khi chứng quả sẽ cảm báo khác nhau. Do đó, có khu vực giáo hóa của một vị Phật bé một chút (tối thiểu là một đại thiên thế giới), có khu vực giáo hóa to hơn (mấy đại thiên thế giới), có khu vực giáo hóa cũng rất ư là lớn (mười mấy đại thiên thế giới). Hiểu rõ đạo lý này, hiện thời, nơi nhân địa phải phát nguyện rộng lớn; trong tương lai thành Phật, thế giới của quý vị sẽ to hơn những vị Phật khác, quý vị sẽ độ chúng sanh nhiều hơn các vị Phật khác. Phật chẳng độ kẻ vô duyên. Vì vậy, phải kết pháp duyên rộng rãi cùng hết thảy chúng sanh; trong tương lai, thế giới sẽ to lớn. Đây là chỗ khác biệt giữa mỗi vị Phật.

(Sao) Bửu A Súc Phật, nãi chí hằng sa chư Phật, các các chủ thử đại thiên thế giới.

(鈔)彼阿閼佛，乃至恆沙諸佛，各各主此大千世界。

(Sao: A Súc Phật cho đến hằng sa chư Phật, mỗi vị đều là giáo chủ của những đại thiên thế giới ấy).

Mỗi vị Phật là giáo chủ, đạo sư, hoặc giáo hóa chủ của một đại thiên thế giới.

(Sao) Kim vị chư Phật các ư bốn giới, xuất quảng trường thiệt, phú kỳ giới nội, vô bất biến dã.

(鈔)今謂諸佛各於本界，出廣長舌，覆其界內，無不遍也。

(Sao: Nay [kinh Di Đà] nói mỗi vị Phật đều ở trong cõi mình, hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp cõi ấy, không gì chẳng trọn khắp).

Tướng lưỡi rộng dài, có phải là lưỡi thật sự vươn ra che trùm đại thiên thế giới hay không? Nói theo Lý thì suông sê, xét theo Lý thì có thể nói thông suốt, mà về Sự cũng rất có khả năng! Phải biết điều này. Đây là một loại cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Nói thật ra, lưỡi Phật vươn ra che khắp tam thiên đại thiên thế giới, chúng ta cũng chẳng thấy. Vì sao? Tướng của Báo Thân Phật rất to, loài người chúng ta quá nhỏ bé. Trong bài kệ Tán Phật có nói giữa chặng mày của đức Phật có hai sợi bạch hào, cuộn tròn lại giống như một viên châu, to cỡ nào? “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di*”, quý vị làm sao có thể thấy được? Cổ nhân tới chơi Lư Sơn, Lư Sơn cao tới đâu? Cổ nhân cảm thán bảo: “*Bất thức Lư Sơn chân diện mục, chỉ duyên thân tại thử sơn trung*” (Chẳng biết diện mục thật của Lư Sơn, chỉ vì thân còn đang ở trong núi ấy). Nếu quý vị ở trong bạch hào của Phật, tức là bé tí ti, làm sao quý vị có thể thấy được toàn bộ bạch hào? Toàn bộ bạch hào còn chẳng thấy, làm sao quý vị có thể thấy thân thể của đức Phật cho được? Chắc chắn là chẳng thấy! Thân tướng của Phật quá lớn, loài người chúng ta quá bé, chẳng có cách nào thấy thân tướng của Phật được! Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Nếu nói theo sự biểu thị pháp, ý nghĩa này càng dễ hiểu hơn! Pháp âm của Phật trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới, đó là tướng lưỡi rộng dài; giống như đài TV hoặc Radio trong hiện tại, toàn thể thế giới đều có thể nghe thấy. [Hiểu theo kiểu đó] thì tướng lưỡi của quý vị che khắp toàn bộ địa cầu cũng có thể nói thông suốt. Đó là nói theo sự biểu thị pháp. Nhưng đức Phật xác thực là có đức tướng chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta chẳng thể tưởng tượng được! Tướng lưỡi là một trong ba mươi hai tướng [đại nhân]. Trên thực tế, trong ba mươi hai tướng, lưỡi của Thích Ca Mâu Ni Phật rất mỏng. Kinh có ghi chép chuyện này. Khi đức Phật thè lưỡi ra có thể che trùm cả mặt, lưỡi chúng ta chẳng thể làm được! Đức Phật nói: Chúng ta thè lưỡi ra mà có thể liếm mũi của chính mình, đó là do suốt ba đời chẳng nói dối. Phải tu ba đời không vọng ngữ, thè lưỡi ra bèn có thể liếm được mũi của chính mình. Lưỡi thè ra có thể che mặt, cho thấy đời đời kiếp kiếp chẳng nói dối. Lời Phật đáng tin cậy, có thể tin tưởng! Lưỡi của Như Lai có thể che trùm tam thiên đại thiên thế giới, nghĩa là đời đời kiếp kiếp đều chẳng vọng ngữ.

(Sao) Khẩu nghiệp thanh tịnh giả, vị bất vi vọng ngôn, y ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt.

(鈔)口業清淨者，謂不為妄言、綺語、惡口、兩舌。

(Sao: “Khẩu nghiệp thanh tịnh” là chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói thô ác, chẳng nói đôi chiều).

Bốn lỗi ấy đều chẳng có.

(Sao) Thường vi chân thật ngữ, chánh trực ngữ, nhu nhuỷ ngữ, hòa hợp ngữ.

(Diễn) Thường vi chân thật đẳng tứ cú, các hữu Sự Lý. Vĩnh Gia vân: “Chánh trực ngữ giả hữu nhị, nhất xưng pháp thuyết, linh chư văn giả tín giải minh liễu. Nhị xưng Lý thuyết, linh chư văn giả trừ nghi khiến hoặc. Nhu nhuỷ ngữ giả diệc nhị: Nhất giả an ủy ngữ, linh chư văn giả hoan hỷ thân cận; nhị giả cung thương thanh nhã, linh chư văn giả ái nhạo thọ tập. Hòa hợp ngữ diệc nhị: Nhất Sự hòa hợp, kiến đấu tranh nhân gián khuyến linh xả, bất tự xưng dự, ty tôn kính vật. Nhị Lý hòa hợp, kiến thoái Bồ Đề tâm nhân, ân cần khuyến tấn, thiện năng phân biệt, Bồ Đề, phiền não, bình đẳng nhất tướng. Như thật ngữ giả diệc nhị: Nhất Sự thật giả, hữu tắc ngôn hữu, vô tắc ngôn vô, thị tắc ngôn thị, phi tắc ngôn phi. Nhị Lý thật giả, nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật Tánh, Như Lai Niết Bàn thường trụ, bất biến”.

(鈔)常為真實語，正直語，柔軟語，和合語。

(演)常為真實等四句。各有事理。永嘉云。正直語者有二。一稱法說。令諸聞者信解明了。二稱理說。令諸聞者除疑遣惑。柔軟語者亦二。一者安慰語。令諸聞者歡喜親近。二者宮商清雅。令諸聞者愛樂受習。和合語亦二。一事和合。見鬥爭人諫勸令捨。不自稱譽。卑遜敬物。二理和合。見退菩提心人。慫勸勸進。善能分別。菩提煩惱。平等一相。如實語者亦二。一事實者。有則言有。無則言無。是則言是。非則言非。二理實者。一切眾生皆有佛性。如來涅槃常住不變。

(Sao: Thường nói lời chân thật, lời chánh trực, lời mềm mỏng, lời hòa hợp.

Diễn: Bốn câu “thường là chân thật” v.v... mỗi câu đều có Sự và Lý. Ngài Vĩnh Gia nói: “Chánh trực ngữ có hai loại: Một là nói tương xứng với pháp, khiến cho những người nghe tín giải, hiểu rõ. Hai là nói xứng Lý, khiến cho các người nghe trừ nghi, dứt hoặc. Nhu nhuyễn ngữ cũng có hai loại: Một là lời an ủi, khiến cho người nghe sanh hoan hỷ, thân cận. Hai là êm ái, thanh nhã, khiến cho người nghe ưa thích, tiếp nhận, tu tập. Hòa hợp ngữ cũng có hai loại: Một là Sự hòa hợp, thấy kẻ tranh đấu bèn can gián, khuyên nhủ, khiến cho họ từ bỏ. Chẳng tự bóc thorn mình, khiêm tốn đối với chúng sanh. Hai là Lý hòa hợp, thấy người thoái thất tâm Bồ Đề bèn ân cần khuyên nhủ, sách tấn, khéo có thể phân biệt Bồ Đề và phiền não, nhất tướng bình đẳng. Như thật ngữ cũng có hai loại: Một là nói Sự thật, có bèn nói có, không thì nói không. Đúng bèn nói đúng, sai bèn nói sai. Hai là Lý thật, hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh, Như Lai, Niết Bàn thường trụ bất biến”).

Phật, Bồ Tát nói năng đều chẳng lìa khỏi bốn nguyên tắc này.

(Sao) Nhi ngôn đa kiếp giả, kinh vân: “Phàm phu thiết quá ty tiêm, biểu tam thế bất vọng ngữ”.

(鈔)而言多劫者，經云：凡夫舌過鼻尖，表三世不妄語。

(Sao: Nói là “nhiều kiếp” [là vì như] kinh đã dạy: “Phàm phu lưỡi chạm đến chóp mũi biểu thị ba đời chẳng nói dối”).

Ba đời chẳng nói dối thì lưỡi mới có thể liếm đến chóp mũi của chính mình.

(Sao) Phật nãi vô lượng kiếp lai tạng vô vọng ngữ, cứu tích công đức, cảm tư thắng tướng dã.

(鈔)佛乃無量劫來曾無妄語，久積功德，感斯勝相也。

(Sao: Trong vô lượng kiếp, đức Phật đều chẳng hề nói dối, do công đức tích tập đã lâu bèn cảm vời tướng thù thắng ấy).

Tướng lưỡi của Phật mỏng dường ấy, rộng lớn ngần ấy. Đó là do từ vô lượng kiếp tới nay Ngài chẳng hề nói dối, cho nên mới có tướng hảo như vậy.

(Sao) Tường kỳ điều giả, Hoa Nghiêm Ly Thế Gian phẩm vân: Bồ Tát hữu thập chủng thiết, sở vi khai thị diễn thuyết vô tận chúng sanh hạnh thiết, khai thị diễn thuyết vô tận pháp môn thiết, tán thán chư Phật vô tận công đức thiết, nãi chí hàng phục nhất thiết chư ma ngoại đạo, trừ diệt sanh tử phiền não, linh chí Niết Bàn thiết, thị vi thập. Bồ Tát thành tựu thủ pháp, đắc Như Lai biến phú quốc độ vô thượng thiết, tắc bất chỉ nhất nhân, cố ngôn tường dã.

(鈔)詳其繇者，華嚴離世間品云：菩薩有十種舌，所謂開示演說無盡眾生行舌，開示演說無盡法門舌，讚歎諸佛無盡功德舌，乃至降伏一切諸魔外道，除滅生死煩惱，令至涅槃舌，是為十。菩薩成就此法，得如來遍覆國土無上舌，則不止一因，故言詳也。

(Sao: [Nói] tường tận nguyên do: Phẩm Ly Thế Gian của kinh Hoa Nghiêm có nói: Bồ Tát có mười loại lưỡi, nghĩa là lưỡi khai thị diễn thuyết hạnh của vô tận chúng sanh, lưỡi khai thị, diễn nói vô tận pháp môn, lưỡi tán thán vô tận công đức của chư Phật, cho tới lưỡi hàng phục hết thầy chư ma, ngoại đạo, trừ diệt sanh tử phiền não, làm cho đạt đến Niết Bàn. Đó là mười [loại lưỡi của Bồ Tát]. Bồ Tát thành tựu pháp này, sẽ đắc lưỡi vô thượng che khắp cõi nước của Như Lai. Như vậy là không chỉ do một cái nhân [mà có tướng lưỡi thù thắng ấy], cho nên nói là “tường tận”).

Có thể thấy tướng hảo nơi tướng lưỡi của Như Lai, không chỉ là do không vọng ngữ. Dầu đã nói là “chẳng vọng ngữ, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói lời thô ác, chẳng nói đôi chiều”, vẫn chẳng phải là chỉ có vậy! Như Lai chẳng ngừng diễn thuyết hạnh của chúng sanh; nêu rõ tư tưởng, kiến giải, và hành trì của chúng sanh trong chín pháp giới, khiến cho chúng ta hiểu rõ nhân duyên, quả báo trong ấy, do đó bèn giác ngộ. Lại vì chúng sanh diễn nói vô lượng pháp môn, chỉ dạy phương pháp tu hành, tán thán công đức của chư Phật, khiến cho chúng ta hướng tới quả báo chân thật, cho đến giảng giải phương pháp tu học, làm thế nào để chế phục phiền não, làm thế nào hàng phục ngoại đạo, làm thế nào để trừ diệt sanh tử, đạt đến Niết Bàn rốt ráo. Vì thế, lưỡi Phật thật sự có tác dụng trọn đủ vô lượng công đức. Trong xã hội hiện thời, đúng là như đức Phật đã dạy trong kinh Lăng Nghiêm: “*Tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng*”. Như thế nào thì mới có thể gìn giữ chính mình, thành tựu đạo nghiệp trong hoàn cảnh ấy? Chúng ta nhất định phải nhớ kỹ ý nghĩa biểu thị pháp qua danh hiệu của sáu phương Phật trong kinh Di Đà. Điều kiện cơ bản trong tu học Đại

Thừa đã được nêu bày bởi vị Phật thứ nhất trong đoạn này, tức A Súc Bệ Phật, [danh hiệu ấy có nghĩa là] “*bất động giác*”, phải có điều kiện này thì mới được.

Chiều hôm nay có hai vị đồng tu tới gặp tôi, kể với tôi là mấy năm trước họ học Phật đều do nghe băng thanh âm [lời giảng] của tôi, ở nhà thật thà niệm Phật. Tâm địa quả thật thanh tịnh, rất tự tại, công phu cũng đặc lực. Trong hai năm nay, do quen biết một số đồng tham đạo hữu, [những người ấy] mời mọc họ tham gia hội Niệm Phật tại địa phương. Họ vừa tham gia bèn làm cán độ, hoạt động rất nhiều. Lại còn phải lên núi lễ Phật (triều sơn bái Phật), lại còn phải tới nơi này chốn nọ. Có hoạt động thì phải cần tiền. Họ vốn chẳng làm gì, tâm địa rất thanh tịnh, ở nhà niệm Phật. Nay vì có quá nhiều hoạt động liên tiếp, đi các nơi đều cần đến tiền, phải cúng dường, chẳng có cách nào, bắt buộc phải đi làm, nghĩ hết mọi cách để kiếm tiền, khổ chẳng thể nói được! Họ tìm đến tôi kể khổ. Đến thăm viếng đạo tràng của tôi ở đây, họ nói: Trong sự tưởng tượng của chính mình, đạo tràng của chúng ta nhất định là rất to, rất trang nghiêm, nào ngờ [đơn sơ] như tình hình này! Tôi nói: “Những người đến cộng tu trong đạo tràng của chúng tôi đều thuộc tầng lớp bình dân, kẻ giàu có rất ít”. Tôi bảo: “Ồ đây, chúng tôi chẳng chèo kéo tín đồ, chẳng ép kẻ khác quyên tiền. Tâm chúng tôi rất bình lặng, rất đúng pháp”. Đạo tràng của họ phải chèo kéo kẻ khác, phải nghĩ cách kiếm tiền, tín đồ khổ chẳng thể nói nổi!

Công đức của Phật không chỉ là chẳng có làm lỗi, mà ba nghiệp đều là vô lượng công đức. Vì thế, đối với chuyện học Phật, người hiện thời khuyên kẻ khác tu phước báo, cứ tưởng như vậy là tu phước báo! Hôm nay, họ có đến hỏi tôi: “Đây có phải là phước báo hay không?” Tôi bảo: “Quý vị cảm thấy chính mình có phước hay không? Suốt ngày từ sáng đến tối khổ chẳng thể nói nổi, phước ở chỗ nào? Đó là ngu si, điên đảo”. Phước báo thật sự là tâm địa thanh tịnh, tự tại, chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc, sống rất bình đạm, rất bình an, đó là “có phước”. Chẳng phải là có tiền, có địa vị là có phước. Kẻ có tiền, có địa vị chẳng có phước. Tôi nêu thí dụ, kẻ làm lãnh tụ, làm Thủ Tướng trong mỗi quốc gia trên toàn thế giới hiện thời, hoặc các đại xí nghiệp gia giàu sụ, họ có phước hay không? Chẳng có phước! Cuộc sống rất đau khổ! Suốt ngày từ sáng đến tối mưu toan, đầu trí, làm thế nào để đối phó kẻ khác, làm thế nào để bảo vệ chính mình? Khổ chẳng thể nói nổi, há có tự tại như chúng ta! Trong tâm, chuyện gì cũng đều chẳng có. Đây là phước báo chân chánh, thật sự hưởng phước. Vị Phật này, ở đây nói là bất động giác, hợp lý lắm!

Trong kinh điển Tịnh Tông có nói: Thật thà niệm một câu A Di Đà Phật, phước lẫn huệ đều ở trong đó. Niệm câu Phật hiệu, tín nguyện trì danh, tu phước và tu huệ thấy đều được bao gồm. Tu Giới, tu Định, tu Huệ, Tam Học cũng được bao gồm. Ngẫu Ích đại sư đã khai thị về Niệm Phật rất hay: Không chỉ là Tam Học được gộp trong ấy, mà Lục Độ của Bồ Tát cũng ở trong một câu Phật hiệu. Tất cả hết thấy các pháp môn thế gian và xuất thế gian thấy đều được bao gồm trong một câu Phật hiệu. Quý vị nói xem: Có thuận tiện lắm hay không? Viên mãn đường ấy! Chẳng cần phải làm chuyện gì khác! Đây là nói lên tầm mức khẩn yếu của bất động, chẳng bị tiếng tăm, lợi dưỡng lay động, chẳng bị sự hưởng thụ ngũ dục lay động, mà cũng chẳng bị hết thấy các pháp môn khác lay động, ta khẳng khái một dạ tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Đó là bất động giác, điều này hết sức trọng yếu!

(Sao) Tất khả tín giả.

(鈔)必可信者。

(Sao: Ất là đáng tin).

Tướng lưỡi của đức Phật rộng dài nhằm chứng minh cho chúng ta là [những điều đức Phật đã nói] nhất định là đáng tin.

(Sao) Phàm phu thiết tướng bất quá tam thốn, cổ vị: “Điều tam thốn thiết, tắc hủy, dự, ức, dương, tuần kỳ tư ý, dung vị khả tín”.

(鈔)凡夫舌相不過三寸，古謂掉三寸舌，則毀譽抑揚，循其私意，容未可信。

(Sao: Tướng lưỡi của phàm phu bất quá ba tấc, cổ nhân nói: “Múa ba tấc lưỡi để hủy báng, khen ngợi, hạ thấp, đề cao, thuận theo ý muốn của riêng mình, chẳng thể tin cậy”).

Người thế gian do dục vọng hoặc vì tâm riêng tư quấy phá, ăn nói chẳng thành thật, nhất định là chúng ta chẳng thể tin tưởng được!

(Sao) Phật cụ như thị quảng trường chi thiết, ninh hữu vọng hồ? Kỳ sở tán thán, cánh nghi bất tín, vô hữu thị xứ!

(鈔)佛具如是廣長之舌，寧有妄乎？其所讚歎，更疑不信，無有是處。

(Sao: Đức Phật có lưỡi rộng dài như thế, há có dối trá chăng? Đối với những điều Ngài đã tán thán, lại ngờ vực, chẳng tin, chẳng có lẽ ấy).

Lời Phật là lời thành thật. Chư Phật chứng minh nhằm kiên định tín tâm của chúng ta.

(Sớ) Hựu hạnh vị Bồ Tát, thượng hữu quảng trường thiết tướng, cánh quá ư thủ, kim do lược thuyết.

(Sao) Bồ Tát thiết tướng giả, Hoa Nghiêm Thập Hạnh vị Bồ Tát, thành tựu Thập Vô Tận Tạng, kỳ thuyết pháp thời, dĩ quảng trường thiết, xuất diệu âm thanh, sung mãn thập phương nhất thiết thế giới.

(Diễn) Thập Vô Tận Tạng giả, vị Tín Tạng, Giới Tạng, Tàm Tạng, Quý Tạng, Văn Tạng, Thí Tạng, Huệ Tạng, Niệm Tạng, Trì Tạng, Biện Tạng. Kỳ thuyết pháp thời, dĩ quảng trường thiết sung mãn thế giới giả, tức đệ thập Biện Tạng dã.

(疏)又行位菩薩，尚有廣長舌相，更過於此，今猶略說。

(鈔)菩薩舌相者，華嚴十行位菩薩，成就十無盡藏，其說法時，以廣長舌，出妙音聲，充滿十方一切世界。

(演)十無盡藏者。謂信藏。戒藏。慚藏。愧藏。聞藏。施藏。慧藏。念藏。持藏。辯藏。其說法時。以廣長舌充滿世界者。即第十辯藏也。

(Sớ: Lại nữa, Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh còn có tướng lưỡi rộng vượt trời hơn những điều đang được nói ở đây, nay [kinh này nói “lưỡi Phật che khắp tam thiên đại thiên thế giới”] chỉ là nói đại lược.

Sao: “Tướng lưỡi của Bồ Tát”: Theo Hoa Nghiêm, Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh thành tựu mười thứ Vô Tận Tạng, lúc thuyết pháp, các Ngài dùng lưỡi rộng dài phát ra các âm thanh màu nhiệm, tràn ngập hết thấy các thế giới trong mười phương.

Diễn: Mười Vô Tận Tạng là Tín Tạng, Giới Tạng, Tàm Tạng, Quý Tạng, Văn Tạng, Thí Tạng, Huệ Tạng, Niệm Tạng, Trì Tạng và Biện Tạng. Trong khi thuyết pháp, dùng tướng lưỡi rộng dài đầy khắp thế giới chính là Tạng thứ mười tức Biện Tạng).

Trên đây là kinh văn, dưới đây là ý kiến của Liên Trì đại sư:

(Sao) Ngôn thập phương nhất thiết, tắc bất chỉ nhất đại thiên nhi dĩ. Bồ Tát thả nhiên, hà hướng Như Lai.

(鈔)言十方一切，則不止一大千而已。菩薩且然，何況如來。

(Sao: Nói “hết thấy [các thế giới] trong mười phương”, tức là không chỉ là một đại thiên thế giới mà thôi. Bồ Tát còn là như thế, hướng hồ Như Lai).

Đây là nói về hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh trong Viên Giáo. Tướng lưới rộng dài của các Ngài có thể thuyết pháp đầy ấp hết thấy các thế giới trong mười phương. Bậc Sơ Hạnh Bồ Tát còn có thể trọn khắp hết thấy các thế giới trong mười phương, hướng hồ Phật quả trong Viên Giáo. Chúng ta thấy [tình hình ấy], đương nhiên là càng chớ nên hoài nghi. Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh trong Viên Giáo đã có năng lực ấy, hướng hồ những địa vị cao hơn như Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đăng Giác, Diệu Giác, đương nhiên là chẳng có vấn đề!

(Sao) Kim thả các tự bốn quốc, cổ vân lược thuyết. Kỳ thật, Phật tán Tịnh Độ, biến thập phương nhất thiết thế giới dã.

(鈔)今且各就本國，故云略說。其實佛讚淨土，遍十方一切世界也。

(Sao: Nay [kinh này] lại nói mỗi vị Phật đều ở trong nước mình [mà tán thán A Di Đà Phật], nên bảo là “nói đại lược”. Thật ra, đức Phật tán dương Tịnh Độ trọn khắp hết thấy các thế giới trong mười phương).

Chư Phật Như Lai tán thán A Di Đà Phật, tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới, không chỉ là ở trong cõi của các Ngài, chúng ta tin tưởng điều này. Vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán trong thế giới Sa Bà, mười phương chư Phật chứng minh, mười phương chư Phật tán thán thấu tới thế giới Sa Bà. Cùng một đạo lý giống như vậy, chư Phật giảng kinh Di Đà, tán thán Tịnh Độ trong cõi mình, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng nhất định chứng minh cho các Ngài. Đó là “*biến thập phương nhất thiết thế giới*” (trọn khắp hết thấy các thế giới trong mười phương).

(Sớ) Từ Ân vân: “Phật chi thiết tướng, chứng tiểu, tắc phú diện môn, dĩ chí phát tế. Kim phú đại thiên, chứng đại sự dã”.

(Diễn) Chứng tiểu, vị nhân thiên tiểu quả lậu, vô lậu nhân. Đại sự, vị khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến.

(疏)慈恩云：佛之舌相，證小，則覆面門，以至髮際；今覆大千，證大事也。

(演)證小。謂人天小果漏無漏因。大事。謂開示悟入佛之知見。

(Sớ: Ngài Từ Ân nói: “Tướng lưỡi của đức Phật để chứng minh chuyện nhỏ bèn che trùm từ mặt cho đến mí tóc. Nay che khắp đại thiên, nhằm chứng minh đại sự vậy”.

Diễn: “Chứng tiểu”, ý nói tiểu quả trong cõi nhân thiên, có cái nhân là hữu lậu hoặc vô lậu, “đại sự” là khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật).

Từ Ân đại sư chính là Khuy Cơ đại sư, tổ sư của Pháp Tướng Duy Thức Tông. Pháp Tướng Duy Thức do Huyền Trang đại sư truyền từ Ấn Độ sang Trung Hoa, Ngài lại còn phiên dịch hoàn thiện [các kinh luận của tông này], nhưng [tông ấy] chưa trở thành một tông phái tại Trung Hoa [vào thời Ngài]. Nó trở thành một tông phái [thật sự] là do công sức của đồ đệ Ngài (tức là do công sức của Khuy Cơ). Khuy Cơ là học trò của ngài Huyền Trang. Câu này trích từ bộ A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ của Khuy Cơ đại sư: “*Phật chi thiết tướng, chứng tiểu*” (tướng lưỡi của Phật để chứng minh chuyện nhỏ), để chứng minh chuyện nhỏ, tướng lưỡi bèn che cả mặt, chỉ rõ Ngài nói lời thành thật, trước nay chẳng nói dối. Nếu nói dối, chắc chắn là chẳng có hảo tướng ấy. Hiện thời, tướng lưỡi che khắp tam thiên đại thiên thế giới nhằm “*chứng đại sự*”, đại sự gì vậy? Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ. Chư vị phải biết: Đây là đại sự bậc nhất trong Phật môn, chẳng có gì lớn hơn nữa. Vì sao? Địa vị được thành tựu trong các tông các phái Đại Thừa khác là Bồ Tát, Tam Hiền Bồ Tát, hoặc Thập Thánh Bồ Tát³, chẳng nói tới chuyện thành Phật. Pháp môn này khiến cho chúng sanh thành Phật, còn có chuyện gì lớn hơn chuyện này được nữa! Quý vị mới biết đây là đại sự bậc nhất. Đối với chuyện giáo hóa chúng sanh của đức Phật, chuyện này trọng yếu khôn sánh!

Do một mình đức Phật nói, một mình Ngài làm chứng, chẳng đủ để gây tin tưởng, cho nên phải nhọc công kinh động mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai, chẳng sót một vị nào, thấy đều đến chứng minh. Quý vị mới hiểu đại sự này là như thế nào mà kinh động tất cả hết thấy chư

³ Tam Hiền Bồ Tát là các địa vị Bồ Tát thuộc Thập Trụ, Thập Hạnh và Thập Hồi Hướng. Thập Thánh Bồ Tát là từ Sơ Địa cho đến Thập Địa.

Phật Như Lai? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, hoặc vô lượng pháp môn, đều chẳng tìm thấy [tình hình như vậy], chỉ riêng một pháp môn này nhất định là phải kinh động tất cả hết thảy chư Phật. Hết thảy chư Phật do “*gặp điều nghĩa chẳng thể tạ từ*” đều phải đến làm chứng. Nếu chúng ta hiểu rõ hiện tượng này, thấy hiện tượng này, mà vẫn chẳng tin tưởng, vẫn còn có hoài nghi, thì phải là Nhất Xiển Đề như kinh Phật đã nói. Nhất Xiển Đề (Icchantika) dịch sang tiếng Hán nghĩa là “*chẳng có thiện căn*”, kẻ ấy chẳng có thiện căn. Kinh Di Đà xác thực là “*ngôn giản, ý cai*” (言簡意賅: ngôn từ đơn giản, ý nghĩa trùm khấp); nếu Liên Trì đại sư chẳng giải thích cặn kẽ như vậy, chúng ta cũng sẽ hàm hồ, mờ mịt đọc lướt qua câu kinh văn này, chẳng thấy được giá trị thật sự và dụng ý chân thật của nó. Điều này đã nói rõ: Kinh này là kinh bậc nhất để hết thảy chư Phật Như Lai độ chúng sanh, là pháp môn bậc nhất, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh viên thành Phật đạo trong một đời. Đó gọi là “*chứng đại sư*”.

(Sớ) Hựu vân: Bồ Tát đắc phú diện thiệt tướng, cố kỳ ngôn vô nhị, tất chân thật cố. Tác phú diện chi thiệt, dĩ vô vọng ngữ, hướng phú đại thiên hồ!

(疏)又云：菩薩得覆面舌相，故其言無二，悉真實故。則覆面之舌，已無妄語，況覆大千乎。

(Sớ: Lại nói: ‘Bồ Tát được tướng lưỡi che mặt, nên chẳng nói hai lời, thấy đều chân thật. Như vậy thì tướng lưỡi che mặt đã chẳng nói dối, hướng hồ [bậc có tướng lưỡi] che khắp đại thiên ư?’)

Bồ Tát có tướng lưỡi rộng dài, ngôn ngữ chân thật, quyết định chẳng hề nói dối. Lưỡi có thể che mặt, chứng tỏ Ngài quyết định chẳng nói dối. Nay tướng lưỡi của đức Phật che khắp tam thiên đại thiên thế giới, há có lẽ nào Ngài vọng ngữ ư?

(Sao) Thiệt tướng tiểu đại giả, dĩ Phật đắc Sắc Thân tam-muội.

(鈔)舌相小大者，以佛得色身三昧。

(Sao: Tướng lưỡi lớn hay nhỏ là do Phật đã đắc Sắc Thân tam-muội).

Sách Diễn Nghĩa có chú giải về Sắc Thân tam-muội: Sắc Thân tam-muội là thân tự tại. Sách Tây Du Ký viết Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, đó là thân tự tại, là Sắc Thân tam-muội; nhưng Sắc Thân

tam-muội của hần nhỏ bé, vì sao? Chỉ có bảy mươi hai phép biến hóa. Sắc Thân tam-muội to thì thân tướng biến hóa chẳng cùng tận; không chỉ là bảy mươi hai, [mà là] vô lượng vô biên thân biến.

(Sao) Lục căn tự tại, chứng tiểu, chứng đại, các tùy kỳ ý. Ngôn đại sự giả, Pháp Hoa vân: “Phật vì nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế, vị linh chúng sanh giai nhập Phật thừa cố”.

(Diễn) Sắc Thân tam-muội, tức Phổ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Đắc thử tam-muội, hiện nhất, hiện đa, hiện tiểu, hiện đại, tùy ý tự tại. Thị vi đại sự đồng Pháp Hoa giả, Pháp Hoa Thần Lực phẩm, Phật xuất quảng trường thiết tướng, thượng chí Phạm Thế, tán thán Pháp Hoa, chứng nhất đại sự nhân duyên dã. Kim lục phương chư Phật, hiện thử thiết tướng, tán thán Tịnh Độ, khởi tiểu nhân duyên dã.

(鈔)六根自在，證小證大，各隨其意。言大事者，法華云：佛為一大事因緣故，出現於世，謂令眾生皆入佛乘故。

(演)色身三昧。即普現一切色身三昧。得此三昧。現一現多。現小現大。隨意自在。是為大事同法華者。法華神力品。佛出廣長舌相。上至梵世。贊歎法華。證一大事因緣也。今六方諸佛。現此舌相。贊歎淨土。豈小因緣也。

(Sao: Sáu căn tự tại, chứng minh chuyện lớn hay chuyện nhỏ, tùy ý tùy ý. Nói đến “đại sự” thì kinh Pháp Hoa có nói: “Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, nghĩa là nhằm làm cho chúng sanh đều nhập Phật thừa”.

Diễn: Sắc Thân tam-muội tức là Phổ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Đắc tam-muội này, hiện một, hiện nhiều, hiện nhỏ, hiện lớn, tùy ý tự tại. “Là đại sự” thì giống như kinh Pháp Hoa [đã nói]. Trong phẩm [Như Lai] Thần Lực của kinh Pháp Hoa, đức Phật hiện tướng lưỡi rộng dài, trên là đến tận trời Phạm Thế, tán thán Pháp Hoa để chứng minh cho một đại sự nhân duyên vậy. Nay sáu phương chư Phật hiện tướng lưỡi này, khen ngợi Tịnh Độ, há có phải là nhân duyên nhỏ nhất ư?)

Kinh Pháp Hoa cũng hướng dẫn về Cực Lạc. Thời Tùy - Đường, cổ đại đức nói Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là đại kinh Nhất Thừa, đều là những kinh dẫn đường cho kinh Vô Lượng Thọ, [ý nói] hai bộ kinh lớn ấy nhằm hướng dẫn chúng ta tiến nhập kinh Vô Lượng Thọ. Giống như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Tự Phần, kinh Vô Lượng Thọ là Chánh Tông

Phân, còn kinh A Di Đà là Lưu Thông Phân. Kinh Di Đà khuyên chúng ta hãy tin tưởng, khuyên chúng ta phát nguyện, khuyên chúng ta niệm Phật, [tức là] khuyên tín, khuyên nguyện, khuyên hạnh!

(Sao) Kim tán Tịnh Độ, hiện thử thiết tướng, tác tri Tịnh Độ pháp môn, thị vi đại sự, đồng Pháp Hoa dã.

(鈔) 今讚淨土，現此舌相，則知淨土法門，是為大事，同法華也。

(Sao: Nay ca ngợi Tịnh Độ, hiện tướng lưỡi này, bèn biết pháp môn Tịnh Độ là đại sự, giống như Pháp Hoa).

Liên Trì đại sư khá dè dặt, khiêm hư, Ngài nói [pháp môn Tịnh Độ] giống như kinh Pháp Hoa. Các vị đại sư thời Tùy - Đường bảo: Vượt trời Hoa Nghiêm và Pháp Hoa.

(Sao) Cầu phi đại sự, tác sở vi cát kê yên dụng ngư dao dã.

(鈔) 苟非大事，則所謂割雞焉用牛刀也。

(Sao: Nếu chẳng phải là đại sự, sẽ đáng bảo là “cắt cổ gà cần gì phải dùng đến dao mổ trâu”).

Nếu chẳng phải là đại sự, sao lại có thể kinh động hết thầy chư Phật Như Lai nhọc công tốn sức? Đó là chuyện chó nên mà!

(Sao) Hựu Bồ Tát phú diện giả, cử liệt hướng thắng, khuyến tín chi chí dã.

(鈔) 又菩薩覆面者，舉劣況勝，勸信之至也。

(Sao: Lại nữa, [nêu ra chuyện lưỡi của] Bồ Tát che mặt chính là nêu chuyện kém cỏi để sánh ví hồng biết chuyện thù thắng, đây là khuyên hãy tột bậc tin tưởng).

Khuyến tín. Cách khuyến ấy đúng là đạt đến tột bậc!

(Sớ) Hựu thập phương giả, thả tự hoành thuyết. Nhược thụ thuyết giả, thông hồ tam tế, vô bất tán thán.

(Sao) Dĩ phương lệ thế, tác tiền hồ Ca Diếp, nãi chí quá khứ vô lượng chư Phật, hậu hồ Di Lặc, nãi chí vị lai vô lượng chư Phật, tất kỳ quảng trường thiết tướng diệc biến phú tam tế dã.

(疏)又十方者，且就橫說；若豎說者，通乎三際，無不讚歎。

(鈔)以方例世，則前乎迦葉，乃至過去無量諸佛，後乎彌勒，乃至未來無量諸佛，必其廣長舌相亦遍覆三際也。

(Sớ: Lại nữa, mười phương là nói theo chiều ngang. Nếu nói theo chiều dọc, sẽ thông khắp ba đời, chẳng có vị Phật nào không tán thán.

Sao: Phỏng theo phương hướng để suy ra ba đời, thì trước là từ Phật Ca Diếp cho đến quá khứ vô lượng chư Phật, sau là từ Phật Di Lặc cho đến vị lai vô lượng chư Phật, ắt cũng hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp ba đời).

Nói tới mười phương bèn nhất định bao gồm ba đời. Pháp môn này kinh động mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai, mới biết pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong vô lượng vô biên pháp môn do hết thấy chư Phật đã nói, “tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ” là pháp môn bậc nhất. Pháp môn này không chỉ là bậc nhất trong cõi nước của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà trong bất cứ thế giới nào, trong bất cứ cõi nước nào của chư Phật, pháp môn này đều là bậc nhất. Nếu quý vị chẳng mong học pháp môn này, vứt bỏ pháp môn này để học pháp khác, tức là bỏ pháp môn bậc nhất để học pháp môn hạng nhì hoặc hạng ba, chẳng phải là học theo những thứ [kém cõi ấy] đó chẳng? Phải biết điều này! Bởi lẽ, chúng ta chẳng dễ gì gặp gỡ pháp môn này! Đã gặp, phải hiểu rành rẽ, phải hiểu rõ ràng trịnh huống trong ấy. Pháp này rất chẳng dễ dàng, đúng là khó có! Thiên Đạo đại sư bảo chuyện này là do “gặp duyên khác nhau”. Nay chúng ta đã gặp duyên, bèn hiểu rất rõ ràng, rất rành rẽ chuyện này, đây là duyên thù thắng. Do duyên thù thắng, bèn khẳng khẳng một mực, thâm nhập một môn, thượng bối vãng sanh chúng ta đều có thể mong mỏi. [Ngẫu Ích đại sư nói] “chín phẩm vãng sanh, nói chung là do gặp duyên bất đồng”, duyên của chúng ta sâu đậm. Đoạn văn này dễ hiểu, nói theo thời gian ba đời. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp. Trước Thích Ca Mâu Ni Phật là Ca Diếp Phật, sau Thích Ca Mâu Ni Phật là Di Lặc Phật, [tức là] Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Bồ Tát, Ngài đến thành Phật. Đời trước lại còn có đời trước nữa, đời sau lại còn có đời sau nữa. Nói theo chiều dọc thì cũng là vô lượng vô biên.

(Sao) Chư Phật tương đồng, tác tâm đồng, trí đồng, nguyện đồng.

(Diễn) *Chư Phật tương đồng, tức tâm đồng đẳng giả. Kinh vân: “Thập phương chư Như Lai, đồng cộng nhất Pháp Thân; nhất thân, nhất trí huệ. Lực, vô úy diệc nhiên”. Kim ngoại tướng ký đồng, nội tâm hà bất nhiên da? Hựu tâm, trí, nguyện, tức Pháp, Báo, Ứng tam thân, tức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát tam đức.*

(鈔) 諸佛相同，則心同、智同、願同。

(演) 諸佛相同。則心同等者。經云。十方諸如來。同共一法身。一身一智慧。力無畏亦然。今外相既同。內心何不然耶。又心智願。即法報應三身。即法身般若解脫三德。

(Sao: Chư Phật giống nhau, tức là tâm đồng, trí đồng, nguyện đồng.

Diễn: “Chư Phật giống nhau, tức là tâm đồng v.v...” Kinh dạy: “Mười phương chư Như Lai, cùng chung một Pháp Thân, một thân, một trí huệ, Lực, Vô Úy cũng thế”. Nay tướng bên ngoài đã đồng, nội tâm lẽ nào chẳng vậy? Lại nữa, tâm, trí, nguyện chính là ba thân Pháp, Báo và Ứng, tức là Tam Đức Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát).

Phật Phật đạo đồng; do vậy, tướng mạo giống nhau. Vì sao tướng mạo giống nhau? Tâm giống nhau, hình mạo bên giống nhau. Hình mạo chính là Tướng Phần của tâm. Tướng mạo của phàm phu chúng ta thậm chí chẳng giống tướng mạo của A La Hán, vì sao? Tâm bất đồng, trong tâm có vọng niệm. Vọng niệm của tôi khác với vọng niệm của quý vị, cho nên tướng mạo chẳng giống nhau. Tướng mạo của Phật và Bồ Tát gần như tương đồng, [bởi lẽ, tâm các Ngài] chẳng có vọng niệm, tâm luôn thanh tịnh. Tâm Phật thanh tịnh tột bậc, chẳng có vọng niệm nào. Vì thế, mỗi vị Phật hiện ra tướng mạo hoàn toàn như nhau, đạo lý ở chỗ này!

(Sao) *Ký lục phương tán tán thán thủ kinh, tri tam thể chư Phật diệc tât tán tán thán thủ kinh như lục phương dã, sở vị vô gián thuyết giả thị dã.*

(鈔) 既六方讚歎此經，知三世諸佛亦必讚歎此經如六方也，所謂無間說者是也。

(Sao: Sáu phương đã tán thán kinh này, [cho nên] biết ba đời chư Phật ắt cũng tán thán kinh này giống như sáu phương, gọi là “nói chẳng gián đoạn” chính là như vậy đó).

“*Vô gián*” (無間) là trước nay chưa hề gián đoạn. Pháp môn này, bộ kinh này, hoặc là Tịnh Độ Tam Kinh như chúng ta đã nói, được chư Phật Như Lai tận hư không khắp pháp giới tuyên dương chưa hề gián đoạn. Đó là sự thật. Tán thán thù thắng, thuyết pháp siêng năng, cũng là điều mà hết thảy các kinh đều chẳng thể sánh bằng. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ nhiều lần; đó là một chứng minh.

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh châu pháp giới, thị quảng trường thiết nghĩa.

(疏)稱理，則自性周法界，是廣長舌義。

(Sớ: Xứng Lý, tự tánh trọn khắp pháp giới là ý nghĩa “tương lưỡi rộng dài”).

Đây là nói xứng tánh.

(Sao) Cổ vị Khê thanh tức thị quảng trường thiết.

(Diễn) Khê thanh tức thị giả, Đông Pha thi vân: “Khê thanh tức thị quảng trường thiết, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân”, thị dã.

(鈔)古謂溪聲即是廣長舌。

(Động) 溪聲即是者。東坡詩云。溪聲即是廣長舌。山色無非清淨身。是也。

(Sao: Cổ nhân nói “tiếng suối chảy chính là lưỡi rộng dài”).

Diễn: “Tiếng suối chảy chính là [tương lưỡi]”: Thơ của Tô Đông Pha có câu: “Tiếng suối: lưỡi rộng dài. Màu non: tịnh Pháp Thân” nhằm nói về ý ấy).

Đây là [một câu trong] bài thơ của Tô Đông Pha khi đến chơi Lư Sơn. Trong chú giải [tức sách Diễn Nghĩa] có trích dẫn hai câu ấy.

(Sao) Nhiên tắc quảng trường thiết tướng, bất độc chư Phật hữu chi. Chúng sanh hữu chi, tức vạn tượng giai hữu chi. Thị cố tình dữ vô tình, dung thành nhất thiết, thiết tức pháp giới, pháp giới tức thiết. Thuyết “biến phú” thời, dĩ thành song quyết.

(Diễn) “Tình dữ vô tình dung thành nhất thiết” giả, thị pháp giới nhất tướng, tất cánh bình đẳng, bình đẳng chi trung, hà phân sanh Phật, cập dữ vạn tượng? “Thiết tức pháp giới, pháp giới tức thiết” giả, dĩ thủ cử nhất trần, vô pháp bất cụ cố. Sở vị thiết vi pháp giới, nhất thiết pháp

thú thiết dã. Sớ vị “Hoa Tạng thế giới sở hữu trần, nhất nhất trần trung kiến pháp giới” dã. Sớ vị “nhất thời đốn hiện phi ẩn hiển, nhất thiết viên thành vô thắng liệt” dã. Thuyết biến phú thời, khởi bất lưỡng quyết?

(鈔)然則廣長舌相，不獨諸佛有之，眾生有之，即萬象皆有之。是故情與無情，融成一舌，舌即法界，法界即舌，說遍覆時，已成雙楸。

(演)情與無情融成一舌者。是法界一相。畢竟平等。平等之中。何分生佛。及與萬象。舌即法界法界即舌者。以趣舉一塵無法不具故。所謂舌為法界。一切法趣舌也。所謂華藏世界所有塵。一一塵中見法界也。所謂一時頓現非隱顯。一切圓成無勝劣也。說遍覆時。豈不兩楸。

(Sao: Vậy thì chẳng phải chỉ riêng chư Phật có tướng lưỡi rộng dài. Chúng sanh đều có, tức là vạn tượng đều có. Vì thế, hữu tình và vô tình dung hợp thành một lưỡi. Lưỡi tức pháp giới, pháp giới tức lưỡi. Khi nói là “che khắp” đã trở thành hai điều [đối lập].

Diễn: “Hữu tình và vô tình dung hợp thành một lưỡi” là pháp giới nhất tướng, rốt ráo bình đẳng. Trong bình đẳng, há có phân chia chúng sanh và Phật cùng với vạn tượng?

“Lưỡi tức pháp giới, pháp giới tức lưỡi”: Do nêu lên một hạt bụi thì không pháp nào chẳng trọn đủ. Nói “lưỡi tức pháp giới” là hết thấy pháp quy vào lưỡi, chính là như nói “đối với tất cả bụi trong thế giới Hoa Tạng, trong mỗi hạt bụi thấy pháp giới”.

Nói “cùng một lúc nhanh chóng hiện ra, chẳng phải là ẩn hay hiển”, [nghĩa là] hết thấy đều thành tựu viên mãn, chẳng có thù thắng hoặc hơn kém. Khi nói đến “che khắp”, há chẳng phải trở thành hai cái [đối lập] ư?)

Đoạn này có hương vị Thiên, chư vị hãy tham cứu kỹ càng, trong ấy đã nói rõ chuyện gì? Kinh Hoa Nghiêm nói “một chính là hết thấy, hết thấy chính là một”. Đoạn kinh văn ấy nêu ra đạo lý này. “Một” [ở đây] chẳng phải là chuyên nhất, chẳng phải là một cái duy nhất, mà là bất cứ một thứ gì! “Lưỡi” là pháp giới, lẽ nào chẳng che khắp pháp giới? “Mắt” là pháp giới, có sao chẳng thể quan sát hết thấy các pháp giới? “Tai” là pháp giới, cho nên âm thanh nào trong tận hư không khắp pháp giới, quý vị cũng đều nghe rõ ràng. Bất luận căn nào trong sáu căn, bất luận trần nào trong sáu trần, không gì chẳng trọn khắp pháp giới. Do đó, Một là bất cứ một điều nào, bất luận một điều nào, chẳng phải là chỉ có một, chẳng

phải là chuyên nhất. Cũng chính vì sự thật này, cho nên Phật pháp nói: *“Pháp nào cũng đều bình đẳng, chẳng có cao hay thấp”*, tức là đạo lý này. Nhưng trong tất cả hết thảy các pháp môn, khiến cho bọn phàm phu chúng ta trong một đời ngắn ngủi quyết định có thể thành tựu rốt ráo viên mãn, xác thực là chỉ có pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ này. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây.